

# Đánh giá cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu đối với du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong hội nhập quốc tế

Hồ Thị Minh Phương  
Nguyễn Trung Kiên  
Trường Đại học Quy Nhơn

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT) nằm ở khoảng giữa đất nước, trải dài theo chiều Bắc - Nam, lãnh thổ của vùng kéo dài từ 16045' Bắc đến 13030' Bắc và từ 107002' Đông đến 109019' Đông. Vùng KTTĐMT bao gồm năm tỉnh: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Với tổng diện tích tự nhiên là 27.960,3 km<sup>2</sup> chiếm khoảng 29,1% diện tích tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ và chiếm 8,4% diện tích tự nhiên của cả nước, dân số khoảng 6.415,9 nghìn người chiếm khoảng 7,4% dân số cả nước với mật độ dân số khoảng 215 người/km<sup>2</sup>(2015). Bài viết phân tích trong hội nhập quốc tế du lịch (DL) vùng KTTĐMT có những cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu.

## 1. Cơ hội

*Thứ nhất (O1), tạo cơ hội xúc tiến du lịch cho vùng KTTĐMT.* Hội nhập quốc tế là cơ hội để vùng KTTĐMT quảng bá, giới thiệu tài nguyên DL của Vùng đến các nước trong khu vực và trên thế giới, một mặt xúc tiến đầu tư, mặt khác xúc tiến bán sản phẩm DL của Vùng. Cùng với việc tham gia sâu của KTDL của Vùng vào các tổ chức quốc tế như: WTO, GMS, APEC, UNWTO, PATA,... đặc biệt Vùng ngày càng khẳng định vị thế của mình trong việc đăng cai tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo mang tầm cơ khu vực và quốc tế như: Hội nghị của các tổ chức ASEAN, APEC, GMS, ATF,... tổ chức giải thưởng World Travel Awards 2016 khu vực châu Á và châu Đại Dương, sự kiện văn hóa - âm nhạc quốc tế Cocofest 2016, Tờ chức Giải thưởng Du lịch thế giới World Travel Awards (WTA), Hội nghị Bộ trưởng APEC, Hội nghị SOM3,...

*Thứ hai (O2), tạo cơ hội tái cơ cấu nội bộ KTDL ở vùng KTTĐMT.* Hội nhập quốc tế tạo cơ hội để các doanh nghiệp lưu hành trong Vùng mở rộng liên kết với các doanh nghiệp lưu hành quốc tế, các doanh nghiệp lưu hành quốc tế tham gia vào hoạt động DL của Vùng đã hình thành những tuyến DL mới kết nối giữa Vùng với các nước trong khu vực và quốc tế, đặc biệt là các tuyến DL trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại và di chuyển của khách bằng nhiều phương tiện như: đường bộ, đường hàng không và đường biển đến Vùng, với chất lượng dịch vụ và giá cả hợp lý hơn, cùng với việc tham gia đăng cai tổ chức các sự kiện trong nước và quốc tế,... đã hình thành và phát triển các loại hình du lịch ở Vùng để thỏa mãn nhu cầu của du khách.

*Thứ ba (O3), tạo cơ hội phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng KTTĐMT.* Hội nhập quốc tế tạo cơ hội để Vùng mở rộng liên kết trong việc đào tạo nhân lực DL với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Là cơ hội giao lưu học hỏi kinh nghiệm trong tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh của KTDL, nâng cao trình độ, tăng kinh nghiệm cho các chủ thể sản xuất kinh doanh trực tiếp hay gián tiếp trong lĩnh vực DL, làm cho các chủ thể trong hoạt động KTDL Vùng trở nên năng động và nhạy bén hơn. Đặc biệt, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN và nghề DL tạo điều kiện cho sự tự do di chuyển lao động giữa các nước trong cộng đồng ASEAN, là cơ hội để Vùng có nguồn nhân lực DL mới, nhất là nguồn nhân lực DL chất lượng cao từ các nước để phát KTDL.

*Thứ tư (O4), tạo cơ hội đổi mới nhận thức cho các thành phần tham gia phát triển KTDL ở vùng KTTĐMT.* Hội nhập quốc tế thúc đẩy các doanh nghiệp DL, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trong Vùng cải cách đổi mới hoạt động. Trong hội nhập các doanh nghiệp DL muốn tồn tại và thu lợi nhuận phải thường xuyên đổi mới cách thức, nâng cao năng lực tổ chức, quản lý hoạt động DL, mỗi nhà quản lý cũng như mỗi nhà kinh doanh DL không chỉ sản xuất cái mình có thể, mà phải sản xuất ra cái thị trường cần, phải tính tới hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực sản xuất, tạo ra các sản phẩm DL đa dạng phong phú, chất lượng, giá cả cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng.

## 2. Thách thức

*Thứ nhất (T1), hội nhập quốc tế tăng sức ép cạnh tranh của KTDL Vùng.* Trong xu thế hội nhập, KTDL của

Vùng còn non trẻ và nhiều điểm yếu làm cho các doanh nghiệp, các trung tâm dịch vụ lữ hành trong Vùng phải luôn luôn đổi mới với nguy cơ phá sản, thôn thớt, sát nhập nếu họ không đúng vùng trong cuộc cạnh tranh ngày càng gay gắt này. Mặt khác, các doanh nghiệp, các trung tâm dịch vụ lữ hành của Vùng khó tìm kiếm chỗ đứng, vị thế trên trường quốc tế. Du lịch Vùng có nguy cơ đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trong việc thu hút khách quốc tế đến từ các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương khi khách DL châu Á trở thành mục tiêu săn đón hàng đầu của các nước trên thế giới. Vùng KTTĐMT cũng sẽ phải đối mặt với những cạnh tranh gay gắt để thu hút khách DL Châu Á với các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

*Thứ hai (T2), tầng dân tinh phụ thuộc của kinh tế du lịch Vùng.* Hội nhập quốc tế đã mở rộng thị trường DL, lượng khách DL quốc tế, cùng với các doanh nghiệp, các trung tâm dịch vụ lữ hành nước ngoài đầu tư vào vùng KTTĐMT tăng, điều đó đã làm gia tăng tính phụ thuộc của hoạt động KTDL Vùng vào các quốc gia bên ngoài. Thỏa thuận công nhận lẫn nhau chuẩn nghề DL của ASEAN bao gồm 32 chức danh nghề được chuẩn hóa, đi cùng với 52 loại văn bằng, chứng chỉ. Tuy nhiên, Vùng dường như chưa sẵn sàng cho sự cạnh tranh lao động sắp diễn ra từ Thỏa thuận này, nhân lực ngành DL Vùng cũng đang bị đánh giá là một trong những khâu yếu nhất không chỉ thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng, tính chuyên nghiệp và kỹ năng trong hoạt động KTDL kém, nên khả năng mạnh yếu làm trong hoạt động KTDL của dân cư địa phương trong Vùng cao.

*Thứ ba (T3), tác động xấu đến môi trường, vấn đề xã hội khi phát triển kinh tế du lịch.* Hội nhập quốc tế dẫn đến cung - cầu về DL tăng lên, các sản phẩm DL của Vùng được khai thác phát triển ồ ạt, đi biệt vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào DL vùng thời gian qua tăng lên. Mà mục đích động cơ của các chủ thể sản xuất kinh doanh này là nhằm chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi nhuận khác từ các nước nhập khẩu tư bản cùng với việc nhà nước và chính quyền địa phương Vùng nơi lòng vai trò của mình trong quản lý đã dẫn đến việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên vượt quá khả năng phục hồi, phá hoại môi trường sinh thái, làm giảm sự đa dạng sinh học đã tăng sức ép về môi trường DL của Vùng. Cùng với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ... đã ảnh hưởng đến phát triển KTDL và thách thức lớn trong việc phát triển KTDL bền vững ở vùng KTTĐMT trong giai đoạn này.

### 3. Điểm mạnh

*Thứ nhất (S1), giá trị tài nguyên DL nội trội ở vùng KTTĐMT là giá trị tài nguyên biển và giá trị di sản văn hóa thế giới - nguyên liệu chính để tạo sản phẩm du lịch.* Vùng KTTĐMT hẳn ở vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên DL tự nhiên, tài nguyên DL nhân văn phong phú, đa dạng có nhiều điểm đến hấp dẫn du khách

trong nước và ngoài nước là tiền đề cơ bản cho phát triển KTDL của Vùng ở thời điểm hiện tại và tương lai.

*Thứ hai (S2), quy hoạch phát triển DL Vùng và các tỉnh ở vùng KTTĐMT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.* Các tỉnh, thành trong Vùng đã lập quy hoạch tổng thể phát triển KTDL; trong những năm qua, các sở ban ngành, các nhà đầu tư ở các tỉnh, thành vùng KTTĐMT đã thực hiện nghiêm túc quy hoạch tổng thể phát triển DL. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, các quy hoạch chi tiết khu DL, điểm DL lần lượt được hình thành và được triển khai thực hiện nghiêm túc, kêu gọi và thu hút được nhiều cá nhân, tổ chức đầu tư vào kinh doanh DL. Hoạt động quản lý nhà nước trong phát triển KTDL ở các tỉnh, thành trong Vùng đã có sự phân định rõ ràng giữa chức năng quản và chức năng kinh doanh; đã ban hành văn bản, quy định hoạt động KTDL; UBND các tỉnh xây dựng chương trình phát triển DL theo từng thời kỳ; không ngừng cải cách đổi mới thủ tục hành chính; có nhiều chính sách ưu đãi trong đầu tư phát triển KTDL.

*Thứ ba (S3), cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển KTDL ở vùng KTTĐMT được nâng cấp và xây dựng mới.* Cơ sở hạ tầng của toàn Vùng không ngừng được chú trọng cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới đặc biệt là giao thông vận tải, thông tin liên lạc, ngân hàng, y tế, giáo dục,... Hiện nay, Vùng có hai sân bay quốc tế Phú Bài, Đà Nẵng, trong đó Đà Nẵng là một trong ba cảng hàng không quốc tế lớn của Việt Nam. Vùng có nhiều cảng biển quan trọng như cảng Chân Mây (Huế), cảng Đà Nẵng, cảng Kỳ Hà (Quảng Nam), cảng Dung Quất (Quảng Ngãi), cảng Quy Nhơn (Bình Định),... tạo nên một hệ thống cảng biển phục vụ cho phát triển kinh tế của Vùng và con đường huyết mạch trên biển thông thương với thế giới, đường bộ hành lang kinh tế Đông - Tây dài 1.450 km nối liền 4 nước Myanmar, Thái Lan, Lào, Việt Nam. Các dịch vụ DL đặc biệt là các dịch vụ lưu trú, ăn uống có sự tăng lên cả về số lượng và chất lượng, nhiều nhà hàng khách sạn đã được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới chất lượng cao đưa vào hoạt động đã đáp ứng được nhu cầu lưu trú và nhu cầu thưởng thức ẩm thực của các đối tượng du khách có khả năng thanh toán cao. Bên cạnh đó hệ thống nhà hàng, khách sạn bình dân có sự gia tăng đáng kể đáp ứng cơ bản theo sự gia tăng về lượng khách và tình đa dạng của các thành phần khách DL quốc tế và nội địa đến các tỉnh, thành trong Vùng.

### 4. Điểm yếu

*Thứ nhất (W1), năng lực quản lý KTDL của các chủ thể ở mức độ thấp.* Phát triển KTDL ở các tỉnh, thành vùng KTTĐMT chưa có sự đồng đều giữa các tỉnh; nhận thức của các cấp, các ngành trong Vùng về vai trò của KTDL còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ; chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương, dẫn đến việc xử

lý, giải quyết, kêu gọi đầu tư và bàn giao các khu điểm DL để các doanh nghiệp đầu tư phát triển DL còn chậm; chưa có sự liên kết giữa chính quyền địa phương các tỉnh, thành trong Vùng trong phát triển KTDL, vì vậy hình ảnh DL vùng KTTĐMT trên thị trường DL quốc tế còn mờ nhạt, hiệu quả kinh doanh từ KTDL mang lại chưa cao. Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào lĩnh vực lưu trú, chưa chú trọng đầu tư vào các điểm, khu DL và kinh doanh lưu hành.

**Thứ hai (W2), thiếu các chính sách, cơ chế để phối hợp phân chia lợi ích giữa các thành phần tham gia vào hoạt động kinh tế du lịch.** Một số dự án đầu tư phát triển DL được triển khai ở vùng KTTĐMT, đặc biệt là các dự án phát triển DL trên bán đảo Sơn Trà, đã xuất hiện mâu thuẫn xung đột về lợi ích, về đa dạng sinh thái, về an ninh đã bộc lộ nhiều bất cập về chính sách và cơ chế. Chính sách vay vốn ưu đãi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các khu điểm DL của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn và trở ngại, các đơn vị kinh doanh trên địa bàn ít, lượng vốn nhỏ.

**Thứ ba (W3), mức độ tham gia thấp của cộng đồng dân cư vào quy hoạch, lập các dự án đầu tư kinh doanh DL tại các địa phương thuộc vùng KTTĐMT.** Các tỉnh, thành vùng KTTĐMT trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng các khu điểm DL chưa khảo sát, lấy ý kiến của cộng, chính quyền và các doanh nghiệp nên chưa thực sự chú trọng đến việc chia sẻ lợi ích. Chính quyền địa phương mới chỉ chú trọng tới lợi ích kinh tế trước mắt, coi nhẹ việc đánh giá tác động xấu vào kinh tế, môi trường tự nhiên và văn hóa xã hội lâu dài của các dự án.

**Thứ tư (W4), năng lực hội nhập quốc tế của KTDL tại vùng KTTĐMT ở mức độ thấp.** Hoạt động truyền thông điểm đến, xúc tiến DL thiếu đồng bộ, thiếu liên kết hợp tác giữa các tỉnh, thành trong Vùng. Việc xúc tiến DL vẫn còn mang tính đơn lẻ của các địa phương, chưa có sự phối hợp, chưa có tổ chức chuyên nghiệp, thiếu kinh nghiệm, thiếu nhân lực, thiếu tài chính. Thiếu nguồn nhân lực DL chất lượng cao ở vùng KTTĐMT. Các cơ sở đào tạo DL còn mang nặng lý luận chưa gắn với thực tiễn, chưa có sự liên kết, hợp tác thực chất giữa cơ sở đào tạo với nhà tuyển dụng cho nên lực lượng đã qua đào tạo nhưng nghiệp vụ chưa đáp ứng được đòi hỏi phải đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

Kết hợp bốn cơ hội, ba thách thức, với ba điểm mạnh và bốn điểm yếu để phát triển KTDL của vùng KTTĐMT trong bối cảnh HNQT tác giả đưa ra các lựa chọn phương án chiến lược tương thích trong Ma trận SWOT phát triển kinh tế du lịch vùng KTTĐMT.

Ma trận SWOT phát triển kinh tế du lịch vùng KTTĐMT trong hội nhập quốc tế

|      | Điểm mạnh (S)  | Điểm yếu (W)  |
|------|--|---|
| OTSW | <p>S1. Tài nguyên DL vô tận, nhân văn phong phú, đa dạng.</p> <p>S2. Đã có quy hoạch DL vùng và quy hoạch phát triển DL của các địa phương.</p> <p>S3. Cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển KTDL ở vùng KTTĐMT được nâng cấp và đầu tư mới.</p>   | <p>W1. Năng lực quản lý KTDL của các chủ thể ở mức độ thấp.</p> <p>W2. Thiếu các chính sách, cơ chế để phối hợp phân chia lợi ích giữa các thành phần tham gia vào hoạt động KTDL.</p> <p>W3. Mức độ tham gia thấp của cộng đồng dân cư vào quy hoạch, lập các dự án đầu tư kinh doanh DL tại các địa phương thuộc vùng KTTĐMT.</p> <p>W4. Năng lực hội nhập KTDL quốc tế của vùng KTTĐMT ở mức độ thấp.</p>  |
|      | <p>Cơ hội (O)</p> <p>O1. Tạo cơ hội xúc tiến DL cho khu KTTĐMT</p> <p>O2. Tạo cơ hội tái cơ cấu nội bộ KTDL ở vùng KTTĐMT</p> <p>O3. Tạo cơ hội phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng KTTĐMT</p> <p>O4. Tạo cơ hội đổi mới nhân thức cho các thành phần tham gia phát triển KTDL ở vùng KTTĐMT</p> | <p>Kết hợp O1, O2, O3, O4 với S1, S2, S3.</p> <p>=&gt; Quản lý quy hoạch đa dạng đã được phê chuẩn đa dạng hóa sản phẩm. Xây dựng thương hiệu mạnh, truyền thông Marketing thích hợp cho sản phẩm DL vùng KTTĐMT tại các thị trường lớn</p>   |
|      | <p>Nguy cơ (T)</p> <p>T1. Tăng sức ép cạnh tranh của ngành KTDL.</p> <p>T2. Tăng dần tính phụ thuộc của ngành KTDL.</p> <p>T3. Tăng dần xu hướng tiêu thụ, văn hóa xã hội khu phát triển KTDL.</p>   | <p>Kết hợp T1, T2, T3, với S1, S2, S3.</p> <p>=&gt; Nâng cao năng lực cạnh tranh cá nhân chất lượng và gia cả giám sát và đánh giá chất chế các dự án đầu tư DL theo nguyên tắc phát triển bền vững</p>   |
|      |  | <p>Kết hợp O1, O2, O3, O4 với W1, W2, W3, W4.</p> <p>=&gt; Tập trung nâng cao năng lực, chất lượng nguồn nhân lực DL. Kịp thời ban hành chính sách, cơ chế đồng bộ để tạo động lực bảo đảm nhân lực và lực và tài lực cho phát triển KTDL tại vùng KTTĐMT.</p> <p>Kết hợp W1, W2, W3, W4 với T1, T2, T3.</p> <p>=&gt; Tìm thị trường ngách, hướng vào DL xã hội, mang mục đích giáo dục, nâng cao các năng lực quản lý kinh doanh DL của các chủ thể.</p> |

Với phương án chiến lược tương thích ở trên sẽ phát huy được thế mạnh và khắc phục những điểm yếu, vượt qua những thách thức, tận dụng được những cơ hội để đưa DL vùng KTTĐMT ngày càng phát triển hơn trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng/.

**Tài liệu tham khảo**

Hồ Thị Minh Phương (2016), "Những lợi thế và tiềm năng phát triển kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung", Tạp chí Kinh tế Châu Á — Thái Bình Dương, số 484 (12/2016), Tr.8-11.

Hồ Thị Minh Phương (2017), "Phát triển kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Những vấn đề đặt ra hiện nay", Tạp chí Kinh tế Châu Á — Thái Bình Dương, số 492 (4/2017), Tr.35-37.

Tổng cục thống kê (2016), Niên giám thống kê 2015, Nxb Thống kê, Hà Nội

<http://www.baodulich.net.vn/Du-lich-Viet-Nam-Co-hoi-va-thach-thuc-2402-13863.html>

<http://webtravel.vn/kinh-doanh-du-lich/nhung-co-hoi-va-thach-thuc-voi-cac-doanh-nghiep-kinh-doanh-du-lich>